

Sản phẩm Quà Tặng Sức Khỏe



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1:	NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG	3
CHƯƠNG 2:	QUYỀN LỢI CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	10
CHƯƠNG 3:	QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	13
CHƯƠNG 4:	PHÍ BẢO HIỂM	16
CHƯƠNG 5:	CÁC KHOẢN PHÍ	19
CHƯƠNG 6:	QUỸ LIÊN KẾT CHUNG, GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG & LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU	22
CHƯƠNG 7:	ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ	24
CHƯƠNG 8:	NHỮNG THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG	26
CHƯƠNG 9:	CHẤM DỨT VÀ KHÔI PHỤC HỢP ĐỒNG	29
CHƯƠNG 10:	THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	30
CHƯƠNG 11:	BẢO MẬT THÔNG TIN & GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	33
PHỤ LỤC 1:	ĐỊNH NGHĨA BỆNH UNG THƯ GIAI ĐOẠN SỚM	36
PHỤ LỤC 2:	ĐỊNH NGHĨA BỆNH UNG THƯ GIAI ĐOẠN SAU	37
PHỤ LỤC 3:	ĐỊNH NGHĨA BỆNH TIỂU ĐƯỜNG	38

CHƯƠNG 1: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA

- 1.1 **BIDV MetLife / Công ty:** là công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 07 năm 2014 và các Giấy phép điều chỉnh sau đó.
- 1.2 **Bên mua bảo hiểm:** là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên cư trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; là bên kê khai và ký trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm.
- 1.3 **Người được bảo hiểm:** cá nhân từ đủ 30 ngày tuổi trở lên đến 65 tuổi khi tham gia Hợp đồng bảo hiểm, hiện đang cư trú tại Việt Nam và được BIDV MetLife chấp thuận bảo hiểm theo Quy tắc và điều khoản này.
- 1.4 **Tuổi tối đa khi kết thúc hợp đồng:** 80 tuổi.
- 1.5 **Người thụ hưởng:** là cá nhân hoặc tổ chức do Bên mua bảo hiểm chỉ định (với sự đồng ý của Người được bảo hiểm hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm) để nhận quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và điều khoản này.
- 1.6 **Tuổi / Tuổi của Người được bảo hiểm:** là Tuổi của Người được bảo hiểm tính theo ngày sinh nhật gần nhất trước ngày có hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc Ngày kỷ niệm hợp đồng trong các năm hợp đồng tiếp theo.
- 1.7 **Thời hạn bảo hiểm:** từ 10 đến 30 năm, phụ thuộc vào:
- Sự lựa chọn của Bên mua bảo hiểm; và
 - Tuổi của Người được bảo hiểm vào Ngày hiệu lực hợp đồng; và
 - Sự chấp thuận của BIDV MetLife.
- Thời hạn bảo hiểm được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.8 **Thời hạn hợp đồng:** bằng Thời hạn bảo hiểm.
- 1.9 **Số tiền bảo hiểm:** là số tiền được Bên mua bảo hiểm lựa chọn và được BIDV MetLife chấp thuận cho Quyền lợi bảo hiểm Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn của sản phẩm bảo hiểm này. Số tiền bảo hiểm được ghi tại Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.10 **Số tiền bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sau:** là số tiền được BIDV MetLife chấp thuận cho Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sau, được xác định bằng giá trị nhỏ hơn giữa Số tiền bảo hiểm và 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng.

- 1.11 **Phí bảo hiểm cơ bản:** là khoản tiền xác định từ Số tiền bảo hiểm và Biểu phí bảo hiểm cơ bản được phê chuẩn bởi Bộ tài chính.
- 1.12 **Phí bảo hiểm định kỳ:** là Phí bảo hiểm cơ bản được chia đóng theo định kỳ đóng phí năm / nửa năm / quý. Phí bảo hiểm định kỳ được thể hiện trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.13 **Phí bảo hiểm đóng thêm:** là khoản phí bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm định kỳ và phí của sản phẩm bổ trợ (nếu có). Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt quá 5 lần số nhỏ hơn giữa Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu và tổng Phí bảo hiểm định kỳ đã đóng của Năm hợp đồng đó tính đến thời điểm yêu cầu.
- 1.14 **Phí bảo hiểm phân bổ:** là phần Phí bảo hiểm cơ bản hoặc Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- 1.15 **Thời hạn đóng phí:** linh hoạt sau Thời hạn đóng phí tối thiểu.
- 1.16 **Thời hạn đóng phí tối thiểu:** 03 (ba) năm.
- 1.17 **Ngày đến hạn đóng phí:** là ngày Bên mua bảo hiểm phải đóng Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ đóng phí được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 1.18 **Ngày hiệu lực hợp đồng:** Với điều kiện Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm còn sống vào thời điểm BIDV MetLife chấp nhận bảo hiểm, Ngày hiệu lực hợp đồng là ngày Bên mua bảo hiểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và đóng đầy đủ Phí bảo hiểm tạm tính của Hợp đồng. Ngày hiệu lực hợp đồng được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.19 **Thời gian chờ:** là khoảng thời gian trong vòng 90 (chín mươi) ngày đầu tiên kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất.
- 1.20 **Ngày kỷ niệm hợp đồng:** là ngày tương ứng hàng năm của Ngày hiệu lực hợp đồng trong Thời hạn hợp đồng. Trường hợp trong năm không có ngày tương ứng, ngày liền trước đó sẽ được áp dụng.
- 1.21 **Ngày kỷ niệm hàng tháng:** là ngày tương ứng hàng tháng của Ngày hiệu lực hợp đồng; trường hợp trong tháng không có ngày tương ứng, ngày liền trước đó sẽ được áp dụng.
- 1.22 **Ngày đáo hạn hợp đồng:** là ngày cuối cùng của Thời hạn hợp đồng được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm nếu Hợp đồng còn hiệu lực đến thời điểm đó.
- 1.23 **Năm hợp đồng:** là một năm dương lịch kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc từ Ngày kỷ niệm hợp đồng.

- 1.24 **Giá trị tài khoản cơ bản:** là số tiền được tích lũy từ các khoản Phí bảo hiểm cơ bản trừ đi Phí ban đầu, các khoản khấu trừ hàng tháng, các chi phí khác có liên quan (nếu có), các khoản rút tiền, phí rút tiền tương ứng và cộng vào các khoản lãi và thưởng khác (nếu có). Giá trị tài khoản cơ bản của Hợp đồng được tính lãi hàng tháng theo ngày thực tế và mức Lãi suất tích lũy quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.25 **Giá trị tài khoản đóng thêm:** là số tiền được tích lũy từ các khoản Phí bảo hiểm đóng thêm trừ đi Phí ban đầu và các chi phí khác có liên quan (nếu có), các khoản rút tiền và cộng vào các khoản lãi và thưởng khác (nếu có). Giá trị tài khoản đóng thêm của Hợp đồng được tính lãi hàng tháng theo ngày thực tế và mức Lãi suất tích lũy quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.26 **Giá trị tài khoản:** là tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm.
- 1.27 **Giá trị hoàn lại:** là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước thời hạn. Giá trị hoàn lại bằng Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm chấm dứt trừ đi Phí hủy bỏ hợp đồng trước hạn. BIDV MetLife có trách nhiệm tính Giá trị hoàn lại phù hợp với Cơ sở kỹ thuật đã đăng ký với Bộ Tài chính. BIDV MetLife trình bày Giá trị hoàn lại ước tính vào Ngày kỷ niệm hợp đồng tại tài liệu minh họa bán hàng.
- 1.28 **Lãi suất đầu tư Quỹ liên kết chung:** là lãi suất được xác định từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư Quỹ liên kết chung được BIDV MetLife công bố hàng Quý (hoặc thời gian ngắn hơn nếu có biến động lớn về lãi suất) trên Trang thông tin điện tử (website) chính thức của Công ty.
- 1.29 **Lãi suất tích lũy:** là lãi suất được xác định từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung sau khi trừ đi Phí quản lý quỹ và được áp dụng để tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm. Lãi suất tích lũy sẽ không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu theo quy định tại Điều 17.
- 1.30 **Khoản khấu trừ hàng tháng:** là khoản phí được BIDV MetLife khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày phát hành hợp đồng hoặc Ngày kỷ niệm hàng tháng, bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.
- 1.31 **Phí bảo hiểm tạm tính:** là khoản Phí bảo hiểm được thể hiện trên Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm nộp cùng với Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.
- 1.32 **Tai nạn:** là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện liên tục, khách quan, xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài, không chủ động và ngoài ý muốn lên cơ thể của Người được bảo hiểm. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất và không liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào khác gây ra thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện hoặc chuỗi sự kiện đó.

1.33 **Thương tật toàn bộ vĩnh viễn:** là trường hợp

a. Người được bảo hiểm bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của:

- (ii) Hai chân; hoặc
- (iii) Một tay và một chân; hoặc
- (iv) Hai mắt; hoặc
- (v) Một tay và một mắt; hoặc
- (vi) Một chân và một mắt.

Trong trường hợp này, mất hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của (i) tay được tính từ cổ tay trở lên, (ii) chân được tính từ mắt cá chân trở lên, (iv) mắt được hiểu là mất hẳn mắt hoặc mù hoàn toàn.

Việc chứng nhận Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn bộ phận cơ thể (tay, chân hoặc mắt) có thể được thực hiện ngay sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Việc chứng nhận bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể phải được thực hiện bởi Cơ quan y tế có thẩm quyền/ Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên và không sớm hơn 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc từ ngày bệnh lý được chẩn đoán xác định, ngoại trừ trường hợp Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn bộ phận cơ thể và đã được xác nhận bởi Cơ quan y tế có thẩm quyền.

Hoặc:

b. Người được bảo hiểm bị thương tật từ 81% theo xác nhận của cơ quan y tế/Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh trở lên.

1.34 **Bác sĩ:** là người có bằng cấp chuyên môn y khoa được cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc nước sở tại cấp hoặc thừa nhận, và được phép hành nghề trong phạm vi được cấp phép.

1.35 **Bệnh có sẵn:** là tình trạng bệnh tật hoặc thương tật của Người được bảo hiểm đã được Bác sĩ khám, chẩn đoán hoặc điều trị trước Ngày hiệu lực Hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng. Hồ sơ y tế, tình trạng tiền sử bệnh được lưu giữ tại bệnh viện/cơ sở y tế được thành lập hợp pháp hoặc các thông tin do Người được bảo hiểm tự kê khai được xem là bằng chứng đầy đủ và hợp pháp về Bệnh có sẵn.

1.36 **Bệnh bẩm sinh:** là bất kỳ bệnh nào được hình thành trên thai nhi trong quá trình mang thai của người mẹ dưới tác động của yếu tố môi trường lên sự phát triển của thai nhi và có thể được cơ quan y tế mô tả dưới nhiều tên gọi khác nhau như “bệnh bẩm sinh”, “dị tật bẩm sinh”, “khuyết tật bẩm sinh”, “khiếm khuyết bẩm sinh”. Việc xác định Bệnh bẩm sinh phải do Bác sĩ hành nghề hợp pháp thực hiện.

- 1.37 **Quỹ Liên kết chung:** là quỹ được hình thành từ nguồn Phí bảo hiểm của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Tài sản của Quỹ Liên kết chung không phân chia và xác định chung cho tất cả các Hợp đồng bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm được hưởng lãi trên Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào hiệu quả hoạt động của Quỹ Liên kết chung theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.38 **Sản phẩm bổ trợ:** là sản phẩm bảo hiểm bổ sung kèm theo sản phẩm Liên kết chung bảo vệ bệnh Ung thư và Tiểu đường mà BIDV MetLife cung cấp cho Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc những người khác theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, phù hợp với các quy định của pháp luật và của BIDV MetLife. Quyền lợi bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ liên quan được nêu tại Quy tắc và điều khoản của Sản phẩm bổ trợ.
- 1.39 Mọi dẫn chiếu đến **“Hợp đồng”, “Hợp đồng bảo hiểm”** được hiểu là dẫn chiếu đến Hợp đồng bảo hiểm này.

ĐIỀU 2. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 2.1 **Hợp đồng bảo hiểm:** là thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên mua bảo hiểm và BIDV MetLife theo đó ghi nhận quyền và nghĩa vụ các bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
Hợp đồng bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:
- Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm;
 - Giấy Chứng nhận bảo hiểm;
 - Quy tắc và điều khoản sản phẩm bảo hiểm;
 - Tài liệu minh họa quyền lợi;
 - Thư thông báo chấp nhận bảo hiểm có điều kiện (nếu có);
 - Các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
- 2.2 **Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm:** là văn bản yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của BIDV MetLife, trong đó ghi các nội dung đề nghị tham gia bảo hiểm và thông tin do Bên mua bảo hiểm cung cấp để BIDV MetLife đánh giá rủi ro, làm căn cứ chấp nhận bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm (hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm) kê khai, ký tên và cung cấp cho BIDV MetLife.
- 2.3 **Bảng câu hỏi sức khỏe:** bản khai báo tình trạng sức khỏe (theo mẫu có sẵn do BIDV MetLife cung cấp) do Người được bảo hiểm hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm điền và cung cấp cho BIDV MetLife cùng với Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Bảng câu hỏi sức khỏe là một phần không tách rời của Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.
- 2.4 **Giấy chứng nhận bảo hiểm:** là văn bản do BIDV MetLife cấp cho Bên mua bảo hiểm, trong đó thể hiện các thông tin cơ bản của Hợp đồng bảo hiểm và là văn bản xác nhận việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm từ phía Công ty.

- 2.5 **Tài liệu minh họa quyền lợi:** là tài liệu minh họa về sản phẩm bảo hiểm được cung cấp cho Bên mua bảo hiểm, thể hiện các thông tin cơ bản về Hợp đồng bảo hiểm theo điều kiện, Quy tắc và điều khoản bảo hiểm được thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và BIDV MetLife. Tài liệu minh họa bán hàng là một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN CÂN NHẮC

Trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm, với điều kiện là chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối không tham gia bảo hiểm bằng cách gửi văn bản thông báo hủy Hợp đồng bảo hiểm đến BIDV MetLife. BIDV MetLife sẽ hoàn trả phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ đi chi phí khám sức khỏe (nếu có).

ĐIỀU 4. BẢO HIỂM TẠM THỜI

- 4.1 **Thời gian bảo hiểm tạm thời:** bắt đầu từ khi Bên mua bảo hiểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và đóng đủ Phí bảo hiểm tạm tính cho BIDV MetLife. Thời hạn bảo hiểm tạm thời sẽ kết thúc vào thời điểm xảy ra bất cứ sự kiện nào được nêu dưới đây, tùy thời điểm nào đến trước:
- (i) BIDV MetLife phát hành Giấy chứng nhận Bảo hiểm;
 - (ii) BIDV MetLife phát hành Thông báo từ chối bảo hiểm hoặc Thông báo tạm hoãn bảo hiểm. Trong trường hợp này, Bên mua bảo hiểm sẽ được hoàn lại số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi);
 - (iii) Xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 4.2 và Khoản 4.3;
 - (iv) BIDV MetLife nhận được văn bản đề nghị huỷ bỏ yêu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm. Trong trường hợp này, BIDV MetLife sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi) trừ đi Chi phí khám sức khỏe (nếu có);
 - (v) Kết thúc thời hạn 30 ngày kể từ ngày Phí bảo hiểm tạm tính của Hợp đồng bảo hiểm được đóng, trừ khi BIDV MetLife thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản về việc gia hạn thời gian bảo hiểm tạm thời. Trong trường hợp này, BIDV MetLife sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi).
- 4.2 **Quyền lợi bảo hiểm tạm thời:** Nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, BIDV MetLife sẽ chi trả số nhỏ hơn giữa 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và tổng Số tiền bảo hiểm của (các) sản phẩm chính đang được thẩm định trên cùng một Người được bảo hiểm.

Trong trường hợp tổng Phí bảo hiểm đã đóng lớn hơn 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng thì BIDV MetLife sẽ hoàn lại tổng Phí bảo hiểm đã đóng.

4.3 **Loại trừ đối với bảo hiểm tạm thời:** BIDV MetLife không chi trả Quyền lợi bảo hiểm tạm thời và hoàn lại toàn bộ Phí bảo hiểm đã đóng sau khi trừ đi chi phí khám sức khỏe (nếu có), nếu Người được bảo hiểm tử vong trực tiếp do một trong các nguyên nhân sau:

- (i) Không phải tai nạn; hoặc
- (ii) Tự tử, tự gây thương tích hoặc tự gây tai nạn, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- (iii) Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
- (iv) Sử dụng ma tuý hoặc các chất kích thích, rượu, bia, vượt mức quy định của pháp luật.

4.4 Số tiền nêu tại Khoản 4.2 hoặc Khoản 4.3 được thanh toán cho Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đồng thời là Người được bảo hiểm hoặc cho Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm đồng thời là Người được bảo hiểm.

CHƯƠNG 2: QUYỀN LỢI CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

ĐIỀU 5. QUYỀN LỢI CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

5.1 **Quyền lợi đáo hạn:** Nếu Người được bảo hiểm sống đến Ngày đáo hạn Hợp đồng BIDV MetLife trả toàn bộ Giá trị tài khoản Hợp đồng.

5.2 **Quyền lợi bảo hiểm Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn:**

5.2.1 Bên mua bảo hiểm có quyền lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn theo một trong hai quyền lợi sau:

- **Quyền lợi Cơ bản:** bằng giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm sau khi trừ đi Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sớm đã chi trả (nếu có) quy định tại Khoản 5.3, và Giá trị tài khoản Hợp đồng xác định tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
- **Quyền lợi Nâng cao:** bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị tài khoản Hợp đồng xác định tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn, trừ đi Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sớm đã chi trả (nếu có) quy định tại Khoản 5.3.

5.2.2 Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể gửi yêu cầu bằng văn bản để chuyển đổi Quyền lợi bảo hiểm Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn từ Cơ bản sang Nâng cao hoặc ngược lại, theo quy định tại Điều 9 Quy tắc và điều khoản này.

5.3 **Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sớm:**

5.3.1 Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bệnh Ung thư giai đoạn sớm theo quy định tại *Phụ lục 1 – Định nghĩa bệnh Ung thư giai đoạn sớm* của Quy tắc và điều khoản này và còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày chẩn đoán mắc bệnh, BIDV MetLife sẽ trả **50% Số tiền bảo hiểm** nhưng tối đa không quá 500 (năm trăm) triệu đồng.

5.3.2 Sau khi Quyền lợi bảo hiểm Ung thư giai đoạn sớm đã được chi trả, Bên mua bảo hiểm không có quyền yêu cầu:

- a. Chuyển đổi giữa Quyền lợi Cơ bản và Quyền lợi Nâng cao; hoặc
- b. Tăng/giảm Số tiền bảo hiểm; hoặc
- c. Rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản, trừ trường hợp Số tiền bảo hiểm tại thời điểm rút nhỏ hơn Giá trị tài khoản cơ bản.

5.3.3 Quyền lợi này được chi trả 01 (một) lần duy nhất trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Sau khi Quyền lợi này được chi trả, Hợp đồng vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực.

5.4 **Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ tài chính**

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bệnh Ung thư giai đoạn sớm theo quy định tại *Phụ lục 1 – Định nghĩa bệnh Ung thư giai đoạn sớm* của Quy tắc và điều khoản này và còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày chẩn đoán mắc bệnh, ngoài quyền lợi bảo hiểm quy định tại Khoản 5.3, BIDV MetLife sẽ chi trả thêm 02 (hai) quyền lợi sau:

5.4.1 **Quyền lợi Hỗ trợ viện phí:** chi trả **0.3% Số tiền bảo hiểm**, tối đa không quá 02 (hai) triệu đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị bệnh Ung thư giai đoạn sớm. Quyền lợi này được chi trả tối đa 100 ngày nằm viện cho mỗi Năm hợp đồng và tối đa 150 ngày nằm viện trong suốt Thời hạn hợp đồng.

5.4.2 **Quyền lợi Miễn đóng phí:** miễn đóng phí bảo hiểm trong **03 (ba) Năm hợp đồng**, kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày Người được bảo hiểm được chấp nhận chi trả Quyền lợi bệnh Ung thư giai đoạn sớm. Quyền lợi này sẽ kết thúc sau 03 năm hoặc ngay sau khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, tùy theo thời điểm nào đến trước.

5.5 **Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sau:**

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bệnh Ung thư giai đoạn sau theo quy định tại *Phụ lục 2 – Định nghĩa bệnh Ung thư giai đoạn sau* của Quy tắc và điều khoản này và còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày chẩn đoán mắc bệnh, BIDV MetLife sẽ trả quyền lợi như sau:

- Trong trường hợp lựa chọn **Quyền lợi cơ bản:** sẽ chi trả giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sau sau khi trừ đi Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sớm đã chi trả (nếu có) quy định tại Khoản 5.3, và Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Trong trường hợp lựa chọn **Quyền lợi Nâng cao:** sẽ chi trả giá trị bằng tổng của Số tiền bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sau và Giá trị tài khoản hợp đồng, trừ đi Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sớm đã chi trả (nếu có) quy định tại Khoản 5.3.

5.6 **Quyền lợi bảo hiểm bệnh Tiểu đường**

5.6.1 Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bệnh Tiểu đường tuýp 2 theo quy định tại *Phụ*

lục 3 – Định nghĩa bệnh Tiểu đường của Quy tắc và điều khoản này và còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày chẩn đoán mắc bệnh, BIDV MetLife sẽ trả **15% Số tiền bảo hiểm** nhưng tối đa không quá 150 (một trăm năm mươi) triệu đồng.

5.6.2 Quyền lợi bảo hiểm bệnh Tiểu đường được chi trả 01 (một) lần duy nhất trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Sau khi Quyền lợi này được chi trả, Hợp đồng vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực.

5.7 Nguyên tắc chi trả quyền lợi bảo hiểm

Quyền lợi quy định tại Khoản 5.3, Khoản 5.4, Khoản 5.5 và Khoản 5.6 chỉ được chi trả nếu bệnh Ung thư và Tiểu đường được chẩn đoán sau Thời gian chờ 90 ngày được quy định tại Khoản 1.19 Quy tắc và điều khoản này.

ĐIỀU 6. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

6.1 Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, Giá trị tài khoản sẽ được tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất tích lũy tại từng thời điểm.

6.2 Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng

Khoản Thưởng duy trì hợp đồng được tự động cộng vào Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 05 (năm) và các Ngày kỷ niệm Hợp đồng mỗi 05 (năm) năm sau đó cho đến khi kết thúc Hợp đồng. Khoản Thưởng duy trì hợp đồng được xác định bằng 2% Giá trị tài khoản cơ bản ngay trước thời điểm xét thưởng.

Để được nhận quyền lợi này, Hợp đồng phải thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bên mua bảo hiểm đã đóng đầy đủ và đúng hạn các kỳ phí trong khoảng thời gian 05 Năm hợp đồng liền trước thời điểm xét thưởng. Thời hạn xét thưởng được xác định là 05 Năm hợp đồng đầu tiên tính từ Ngày hiệu lực Hợp đồng và mỗi 05 Năm hợp đồng tiếp theo sau kỳ xét thưởng trước đó;
- Hợp đồng bảo hiểm chưa từng bị chấm dứt hiệu lực trong thời hạn xét thưởng;
- Hợp đồng bảo hiểm chưa từng rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong thời hạn xét thưởng.

CHƯƠNG 3: QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

ĐIỀU 7. RÚT TIỀN TỪ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

- 7.1 Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản khi đáp ứng các điều kiện sau:
- Hợp đồng đang trong thời gian hiệu lực;
 - Số tiền rút tối đa không vượt quá tổng của 80% Giá trị tài khoản cơ bản cộng với 100% Giá trị tài khoản đóng thêm;
 - Số tiền rút và Giá trị tài khoản cơ bản sau khi rút không thấp hơn hạn mức tối thiểu do BIDV MetLife quy định tại từng thời điểm.
- 7.2 Yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản, nếu được BIDV MetLife chấp thuận, sẽ được thực hiện từ Giá trị tài khoản đóng thêm trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.
- 7.3 Tại thời điểm rút tiền, nếu Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn đang được lựa chọn là Quyền lợi cơ bản thì:
- (i) Người được bảo hiểm chấp nhận thẩm định rủi ro sức khỏe theo yêu cầu của BIDV MetLife và tuân theo quyết định thẩm định của BIDV MetLife để duy trì Số tiền bảo hiểm, mọi chi phí thẩm định sẽ do BIDV MetLife chi trả; hoặc
 - (ii) Số tiền bảo hiểm tự động giảm một khoản bằng tích Số tiền bảo hiểm trước khi rút nhân với tỷ lệ rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản. Số tiền bảo hiểm sau khi rút phải đảm bảo không nhỏ hơn Số tiền bảo hiểm ở mức tối thiểu theo quy định của BIDV MetLife. Phí bảo hiểm cơ bản cũng sẽ được điều chỉnh giảm với tỷ lệ tương ứng.
- 7.4 Phí rút tiền được quy định tại Khoản 14.6 Quy tắc và điều khoản này.

ĐIỀU 8. THAY ĐỔI SỐ TIỀN BẢO HIỂM

- 8.1 **Tăng Số tiền bảo hiểm:** Sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 03 (ba) năm và trước Ngày kỷ niệm hợp đồng khi Người được bảo hiểm đạt 66 (sáu mươi sáu) tuổi, với điều kiện Hợp đồng đóng đầy đủ phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm (với sự chấp thuận của Người được bảo hiểm hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm) có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mỗi năm 01 (một) lần vào Ngày kỷ niệm hợp đồng, và:
- BIDV MetLife có thể yêu cầu thẩm định về sức khỏe và các điều kiện có thể được bảo hiểm của Người được bảo hiểm để chấp thuận việc tăng Số tiền bảo hiểm; và

- Số tiền bảo hiểm sau khi tăng không vượt quá Số tiền bảo hiểm tối đa do BIDV MetLife quy định tại từng thời điểm.
- 8.2 **Giảm Số tiền bảo hiểm:** Sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 03 (ba) năm, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu giảm Số tiền bảo hiểm mỗi năm 01 (một) lần vào Ngày kỷ niệm hợp đồng và Số tiền bảo hiểm sau khi giảm không thấp hơn Số tiền bảo hiểm tối thiểu do BIDV MetLife quy định tại từng thời điểm.
- 8.3 Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho BIDV MetLife các yêu cầu thay đổi Số tiền bảo hiểm. Việc tăng hay giảm Số tiền bảo hiểm, nếu được BIDV MetLife chấp thuận hoặc từ chối, sẽ được thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm.
- 8.4 Các thay đổi về Số tiền bảo hiểm sẽ có hiệu lực kể từ Ngày kỷ niệm hàng tháng ngay sau ngày BIDV MetLife chấp thuận bằng văn bản. Phí bảo hiểm cơ bản, phí bảo hiểm rủi ro, Quyền lợi bảo hiểm và các nội dung khác có liên quan của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng với Số tiền bảo hiểm mới.
- 8.5 Bên mua bảo hiểm phải chịu chi phí khám sức khỏe (nếu có) liên quan đến yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm nêu tại Khoản 8.1 Quy tắc và điều khoản này.

ĐIỀU 9. CHUYỂN ĐỔI QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TỪ VONG HOẶC THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN

- 9.1 **Chuyển đổi từ Quyền lợi Cơ bản sang Quyền lợi Nâng cao**
 - 9.1.1 Sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 01 (một) năm và đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm (với sự chấp thuận của Người được bảo hiểm hoặc Người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm) có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi Cơ bản sang Quyền lợi Nâng cao mỗi năm 01 (một) lần.
 - 9.1.2 BIDV MetLife có thể yêu cầu thẩm định về sức khỏe, nghề nghiệp, nơi cư trú và điều kiện pháp lý của Người được bảo hiểm để chấp thuận việc chuyển đổi này. Bên mua bảo hiểm chịu chi phí khám sức khỏe theo chỉ định của Công ty.
- 9.2 **Chuyển đổi từ Quyền lợi Nâng cao sang Quyền lợi Cơ bản:** Sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực 01 (một) năm và đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm (với sự chấp thuận của Người được bảo hiểm hoặc Người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm) có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi Nâng cao sang Quyền lợi Cơ bản mỗi năm 01 (một) lần vào Ngày kỷ niệm hợp đồng.

- 9.3 Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho BIDV MetLife các yêu cầu Quyền lợi bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Việc BIDV MetLife chấp thuận hoặc từ chối sẽ được thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm.
- 9.4 Việc chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm hàng tháng ngay sau ngày yêu cầu chuyển đổi quyền lợi được BIDV MetLife chấp thuận bằng văn bản. Phí bảo hiểm rủi ro và các quyền lợi bảo hiểm liên quan sẽ được điều chỉnh tương ứng.

ĐIỀU 10. THAM GIA THÊM HOẶC CHẤM DỨT CÁC SẢN PHẨM BỔ TRỢ

- 10.1 Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu tham gia thêm các Sản phẩm bổ trợ nếu:
- BIDV MetLife có cung cấp Sản phẩm bổ trợ đó tại thời điểm yêu cầu;
 - Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đủ điều kiện tham gia Sản phẩm bổ trợ được yêu cầu;
 - Bên mua bảo hiểm đồng ý trả thêm Phí bảo hiểm cho Sản phẩm bổ trợ (đối với các Sản phẩm bổ trợ đóng phí độc lập).
- 10.2 Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt các Sản phẩm bổ trợ mua kèm bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đến Công ty. Việc chấm dứt các Sản phẩm bổ trợ sẽ có hiệu lực kể từ ngày BIDV MetLife chấp thuận bằng văn bản và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm.

CHƯƠNG 4: PHÍ BẢO HIỂM

ĐIỀU 11. QUY ĐỊNH VỀ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM, PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

- 11.1 Thời hạn đóng phí, định kỳ đóng phí, ngày đến hạn đóng phí, Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm định kỳ được ghi tại Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.
- 11.2 Trong Thời hạn đóng phí tối thiểu, Bên mua bảo hiểm phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm định kỳ để Hợp đồng duy trì hiệu lực. Trong các năm hợp đồng tiếp theo, Bên mua bảo hiểm có thể đóng Phí bảo hiểm định kỳ bất kì lúc nào với điều kiện số phí đóng mỗi lần không thấp hơn số Phí bảo hiểm tối thiểu do BIDV MetLife quy định tại mỗi thời điểm.
- 11.3 Khi Hợp đồng không có khoản tạm ứng từ Giá trị hoàn lại mà tại một thời điểm nào đó, Giá trị tài khoản không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng, Công ty sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải đóng bổ sung Phí bảo hiểm để Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực.
- 11.4 Phí bảo hiểm đóng thêm: Khi Phí bảo hiểm định kỳ của Sản phẩm chính và Phí bảo hiểm định kỳ của Sản phẩm bổ trợ (nếu có) được đóng đầy đủ cho đến thời điểm hiện tại, Bên mua bảo hiểm có thể đóng Phí bảo hiểm đóng thêm để gia tăng đầu tư vào Quỹ liên kết chung, với điều kiện:
- Phí bảo hiểm đóng thêm mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do BIDV MetLife quy định tại mỗi thời điểm; và
 - Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt quá 05 lần số nhỏ hơn giữa Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu và tổng Phí bảo hiểm định kỳ đã đóng của Năm hợp đồng đó tính đến thời điểm yêu cầu.

Trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động bất lợi, ví dụ lãi suất thị trường biến đổi nghiêm trọng, khủng hoảng tín dụng, thị trường không thanh khoản hoặc bị hạn chế/ không có tài sản đầu tư phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ liên kết chung, BIDV MetLife có quyền từ chối không nhận Phí bảo hiểm đóng thêm.

11.5 Phân bố Phí bảo hiểm:

11.5.1 Trong mỗi Năm hợp đồng, bất kỳ khoản Phí bảo hiểm nào do Bên mua bảo hiểm đóng sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau:

- (i) Phí bảo hiểm định kỳ chưa đóng và đến hạn của Sản phẩm chính;
- (ii) Phí bảo hiểm định kỳ chưa đóng và đến hạn của toàn bộ Sản phẩm

phẩm hỗ trợ đính kèm, trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu khác;

- (iii) Phí bảo hiểm đóng thêm tại Năm hợp đồng hiện tại cho đến mức Phí bảo hiểm đóng thêm tối đa;
- (iv) Khoản tiền còn lại sẽ được đưa vào tài khoản chờ (không tính lãi) để thanh toán Phí bảo hiểm như thứ tự ưu tiên nêu trên khi Hợp đồng bảo hiểm đến hạn đóng phí, trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu nhận lại.

11.5.2 Phí bảo hiểm định kỳ phân bổ vào Quỹ liên kết chung cho Năm hợp đồng nào sẽ áp dụng tỷ lệ Phí ban đầu tương ứng với Năm hợp đồng đó được nêu tại Khoản 14.1 Quy tắc và điều khoản này. Sau thời hạn đóng phí tối thiểu, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tạm dừng đóng phí, Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng tiếp theo sẽ áp dụng tỉ lệ Phí ban đầu của Năm hợp đồng đó.

- 11.6 Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu thay đổi định kỳ đóng Phí bảo hiểm. Yêu cầu thay đổi định kỳ đóng Phí bảo hiểm phải được lập thành văn bản và gửi cho BIDV MetLife chậm nhất 30 ngày trước Ngày kỷ niệm Hợp đồng. Việc thay đổi kỳ đóng phí có hiệu lực khi BIDV MetLife có văn bản chấp thuận.
- 11.7 Bên mua bảo hiểm có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác đóng Phí bảo hiểm theo quy định của BIDV MetLife tại từng thời điểm.

ĐIỀU 12. GIA HẠN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM

- 12.1 Trong thời hạn đóng phí của Hợp đồng bảo hiểm, BIDV MetLife sẽ áp dụng thời gian gia hạn đóng phí 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - 12.1.1 Trong Thời hạn đóng phí tối thiểu, Bên mua bảo hiểm không đóng đủ Phí bảo hiểm định kỳ theo đúng ngày đến hạn đóng phí đã thỏa thuận;
 - 12.1.2 Kể từ Năm hợp đồng thứ 04 (bốn) trở đi, Bên mua bảo hiểm không đóng đủ Phí bảo hiểm định kỳ theo đúng ngày đến hạn đóng phí đã thỏa thuận và Giá trị tài khoản Hợp đồng không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng.
- 12.2 Trong thời gian gia hạn đóng phí, Khoản khấu trừ hàng tháng vẫn tiếp tục được trừ từ Giá trị tài khoản Hợp đồng hoặc được ghi nợ tại BIDV MetLife.
- 12.3 Nếu Phí bảo hiểm cần thiết không được đóng đủ theo yêu cầu của BIDV MetLife trong thời gian gia hạn đóng phí quy định tại Khoản 12.1 thì Hợp đồng sẽ tự động mất hiệu lực kể từ ngày kết thúc thời gian gia hạn đóng phí.

Nếu Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút hết Giá trị tài khoản Hợp đồng sau khi Hợp đồng mất hiệu lực, Bên mua bảo hiểm sẽ phải chịu Phí hủy bỏ hợp đồng tính tại thời điểm Hợp đồng mất hiệu lực.

ĐIỀU 13. TẠM NGỪNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM

- 13.1 Bên mua bảo hiểm có thể tạm ngừng đóng phí bảo hiểm vào bất kỳ thời điểm nào kể từ Năm hợp đồng thứ 04 (bốn) trở đi. Trong thời gian tạm ngừng đóng phí, khoản khấu trừ hàng tháng sẽ tiếp tục được trừ từ Giá trị tài khoản Hợp đồng. Hợp đồng sẽ tiếp tục duy trì hiệu lực khi Giá trị tài khoản Hợp đồng đủ cho khoản khấu trừ hàng tháng.
- 13.2 Trong thời gian Hợp đồng tạm ngừng đóng phí, Bên mua bảo hiểm không được: tăng Số tiền bảo hiểm, mua thêm Sản phẩm bổ trợ và chuyển từ Quyền lợi Cơ bản sang Quyền lợi Nâng cao.
- 13.3 Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí cho Hợp đồng bảo hiểm sau khi tạm ngừng đóng phí, các khoản phí bảo hiểm sẽ được phân bổ theo quy định tại Khoản 11.5 Quy tắc và điều khoản này.

CHƯƠNG 5: CÁC KHOẢN PHÍ

ĐIỀU 14. CÁC KHOẢN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ

14.1 **Phí ban đầu:** Là khoản phí mà BIDV MetLife được phép khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm thu được tại mỗi lần đóng phí trước khi được phân bổ vào Quỹ liên kết chung theo tỷ lệ dưới đây:

Năm hợp đồng	1	2	3	4-5	6-10	11+
% Phí bảo hiểm cơ bản	70%	35%	15%	2%	2%	1%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%	2%	2%	2%	1%	0%

14.2 **Phí bảo hiểm rủi ro:**

14.2.1 Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả các Quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo Hợp đồng. Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, Phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ từ Giá trị tài khoản cơ bản hoặc từ Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu Giá trị tài khoản cơ bản không còn đủ để khấu trừ) vào Ngày kỷ niệm hàng tháng.

14.2.2 Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro có thể được thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Trong trường hợp này, BIDV MetLife sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 03 (ba) tháng trước thời điểm áp dụng.

14.2.3 Nếu Bên mua bảo hiểm không đồng ý với việc thay đổi tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm để nhận lại Giá trị tài khoản tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

14.3 **Phí quản lý hợp đồng:**

14.3.1 Là khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản Hợp đồng vào Ngày kỷ niệm hàng tháng từ khi Hợp đồng đang còn hiệu lực và cho đến Ngày đáo hạn hợp đồng.

14.3.2 Phí quản lý hợp đồng hàng tháng được quy định là 25.000 (hai mươi lăm nghìn) đồng.

14.3.3 Phí quản lý hợp đồng có thể thay đổi nhưng không vượt quá 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng/tháng và không quá 5.000 (năm nghìn) đồng

cho mỗi lần thay đổi. Nếu có sự thay đổi liên quan đến Phí quản lý hợp đồng, BIDV MetLife sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 03 (ba) tháng trước thời điểm áp dụng.

14.3.4 Mức tối đa của Phí quản lý hợp đồng có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

14.4 **Phí quản lý quỹ:**

14.4.1 Khi hợp đồng còn hiệu lực, Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Phí quản lý quỹ được áp dụng tối đa không vượt quá 2%/năm tính trên tổng giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.

14.4.2 Mức Phí quản lý quỹ tối đa có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Nếu có sự thay đổi về mức Phí quản lý quỹ tối đa, BIDV MetLife sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 03 (ba) tháng trước khi áp dụng.

14.5 **Phí hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn:**

14.5.1 Là khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước ngày đáo hạn.

14.5.2 Không áp dụng Phí hủy bỏ Hợp đồng cho Giá trị tài khoản đóng thêm.

14.5.3 Phí hủy bỏ Hợp đồng chỉ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản cơ bản và là giá trị nhỏ hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và giá trị được quy định như sau:

Năm hợp đồng	% của Phí bảo hiểm cơ bản
1-3	100%
4	80%
5	60%
6	40%
7	20%
8	10%
9	5%
Từ năm thứ 10 trở đi	0%

14.6 **Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản Hợp đồng:** Là khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút một phần từ Giá trị tài khoản Hợp đồng. Phí rút tiền được quy định như sau:

- 14.6.1 **Phí tính trên khoản tiền rút từ Giá trị tài khoản đóng thêm:** Giá trị tài khoản đóng thêm được miễn phí rút tiền.
- 14.6.2 **Phí tính trên khoản tiền rút từ Giá trị tài khoản cơ bản:** được xác định bằng tỷ lệ giữa số tiền rút tương ứng và Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm yêu cầu rút nhân với Phí hủy bỏ hợp đồng trước hạn tương ứng tại thời điểm rút tiền.
- 14.6.3 **Phí rút tiền tối thiểu:** Phí rút tiền tối thiểu từ Giá trị tài khoản cơ bản là 100.000 (một trăm nghìn) đồng cho mỗi lần rút tiền. Phí rút tiền tối thiểu có thể được thay đổi với sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG 6: QUỸ LIÊN KẾT CHUNG, GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG & LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

ĐIỀU 15. QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

- 15.1 Hợp đồng bảo hiểm này là Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ liên kết chung là quỹ do BIDV MetLife thành lập dưới sự chấp thuận của Bộ Tài chính, được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và thuộc Quỹ chủ hợp đồng. Bên mua bảo hiểm được hưởng lãi trên Giá trị tài khoản Hợp đồng tùy thuộc vào hiệu quả hoạt động của Quỹ liên kết chung. Tại mọi thời điểm mức lãi suất được hưởng sẽ không thấp hơn mức Lãi suất cam kết tối thiểu theo quy định tại Khoản 17.1 Quy tắc và điều khoản này.
- 15.2 Quỹ liên kết chung được đầu tư và quản lý độc lập với Quỹ chủ sở hữu và các Quỹ chủ hợp đồng khác của BIDV MetLife, phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 15.3 Quỹ liên kết chung thực hiện chiến lược đầu tư theo định hướng an toàn, theo đó, tài sản của quỹ được ưu tiên đầu tư vào các công cụ sinh lời ổn định. BIDV MetLife cam kết phân bổ phần lớn tài sản chiến lược dài hạn vào các kênh đầu tư ổn định bao gồm trái phiếu Kho bạc nhà nước, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, và chứng khoán có thu nhập ổn định.

ĐIỀU 16. GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

16.1 Giá trị tài khoản cơ bản

16.1.1 Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày hiệu lực hợp đồng bằng:

- (i) Phí bảo hiểm phân bổ.

Trừ đi:

- (ii) Khoản khấu trừ hàng tháng.

16.1.2 Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm hàng tháng bằng:

Tổng của:

- (i) Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước; và
- (ii) Phí bảo hiểm phân bổ (nếu có); và
- (iii) Lãi tích lũy tính từ Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước theo Lãi suất tích lũy; và

- (iv) Quyền lợi thưởng duy trì Hợp đồng (nếu có)

Trừ đi:

- (i) Khoản khấu trừ hàng tháng; và
- (ii) Khoản rút tiền và Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước.

16.2 Giá trị tài khoản đóng thêm

16.2.1 **Giá trị tài khoản đóng thêm tại Ngày hiệu lực hợp đồng** bằng Phí bảo hiểm phân bổ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có).

16.2.2 **Giá trị tài khoản đóng thêm tại Ngày kỷ niệm hàng tháng** bằng:

Tổng của:

- (i) Giá trị tài khoản đóng thêm tại Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước; và
- (ii) Phí bảo hiểm phân bổ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có); và
- (iii) Lãi tích lũy tính từ Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước theo Lãi suất tích lũy.

Trừ đi:

- (i) Khoản khấu trừ hàng tháng (nếu Giá trị tài khoản cơ bản không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng); và
- (ii) Khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản đóng thêm từ Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước.

ĐIỀU 17. LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

17.1 Lãi suất cam kết tối thiểu của Hợp đồng tại từng năm Hợp đồng được quy định tại bảng dưới đây:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6-10	11-15	16+
Lãi suất cam kết (/năm)	3,0%	2,5%	2,5%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%	0,5%

17.2 BIDV MetLife cam kết rằng Lãi suất tích lũy sẽ không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu tại bất kỳ thời điểm nào khi Hợp đồng đang có hiệu lực.

CHƯƠNG 7: ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ

ĐIỀU 18. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

- 18.1 BIDV MetLife sẽ không chi trả các quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điều 5 Quy tắc và điều khoản này trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong/thương tật toàn bộ vĩnh viễn/mắc bệnh ung thư do bất kỳ nguyên nhân nào dưới đây:
- 18.1.1 Tự tử, tự gây thương tích hoặc tự gây tai nạn, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí, trong vòng 24 tháng kể từ Ngày có hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm gần nhất tùy ngày nào xảy ra sau; hoặc
 - 18.1.2 Hành vi cố ý, hành vi phạm tội của một trong các bên (i) Bên mua bảo hiểm, (ii) Người được bảo hiểm hoặc (iii) Người thụ hưởng theo bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam. Trong trường hợp một hoặc một số Người thụ hưởng có hành vi cố ý hoặc phạm tội, BIDV MetLife chỉ trả tiền bảo hiểm cho những Người thụ hưởng khác tương ứng với phần thuộc về những Người thụ hưởng này; hoặc
 - 18.1.3 Thi hành án tử hình; hoặc
 - 18.1.4 Nhiễm HIV hoặc các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS, ngoại trừ trường hợp là công an nhân dân, quân đội nhân dân, lực lượng chức năng có thẩm quyền, đội ngũ chăm sóc y tế nhiễm HIV/AIDS khi đang làm nhiệm vụ theo quy định pháp luật;
 - 18.1.5 Tham gia đánh nhau, hay chống lại việc bắt giữ, giam giữ của cơ quan có thẩm quyền; hoặc
 - 18.1.6 Sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích, rượu, bia, vượt mức quy định của pháp luật; hoặc
 - 18.1.7 Tham gia vào các môn thể thao hoặc hoạt động nguy hiểm, kể cả với tư cách là vận động viên chuyên nghiệp như: lặn có bình dưỡng khí, nhảy bungee, nhảy dù, leo núi, đua ngựa hay đua trên các phương tiện có bánh xe, đấm bốc (boxing), săn bắn; hoặc
 - 18.1.8 Lên, xuống, vận hành, phục vụ, hoặc đang được chở trên các thiết bị hoặc phương tiện vận chuyển hàng không, trừ trường hợp khi Người được bảo hiểm, với tư cách là một hành khách mua vé, đi trên các chuyến bay thương mại với các lịch trình thường xuyên trên các tuyến đường đã được xác lập; hoặc

- 18.1.9 Thực hiện phẫu thuật, khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế không được thành lập và hoạt động hợp pháp theo luật pháp Việt Nam hoặc không được phép thực hiện các phẫu thuật, khám chữa bệnh đó; thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ; thực hiện phẫu thuật, khám chữa bệnh không được chỉ định bởi bác sĩ có chuyên môn phù hợp để duy trì và khắc phục tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm; hoặc
- 18.1.10 Động đất, núi lửa, nổ bom hạt nhân; hoặc
- 18.1.11 Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), khủng bố, nội chiến, nổi loạn, bạo động, bạo loạn dân sự, khởi nghĩa, hành động theo mệnh lệnh chiến đấu hay thiết lập trật tự công cộng (ngoại trừ thực hiện theo nhiệm vụ đối với lực lượng vũ trang) và các hành động thù địch hoặc mang tính chiến tranh, bãi công, đình công trái pháp luật.
- 18.1.12 Các bệnh có sẵn (trong đó có bệnh Ung thư và Tiểu đường có sẵn), bệnh bẩm sinh, ngoại trừ các trường hợp Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm đã kê khai và được BIDV MetLife chấp thuận bảo hiểm có điều kiện.
- 18.2 Hợp đồng chấm dứt hiệu lực ngay sau khi Người được bảo hiểm tử vong thuộc một trong các trường hợp nêu tại Khoản 18.1 và BIDV MetLife sẽ trả cho Bên mua bảo hiểm số nào lớn hơn giữa các giá trị sau, xác định tại thời điểm tử vong:
- a) Tổng phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi); hoặc
 - b) Giá trị hoàn lại.

CHƯƠNG 8: NHỮNG THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 19. THAY ĐỔI NGHỀ NGHIỆP, NƠI CƯ TRÚ, RA KHỎI LÃNH THỔ VIỆT NAM

- 19.1 Trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm thay đổi nghề nghiệp, Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho BIDV MetLife trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có thay đổi.
- 19.2 Nếu Người được bảo hiểm ra khỏi phạm vi lãnh thổ Việt Nam trong thời gian từ 90 (chín mươi) ngày trở lên, Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho BIDV MetLife tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước ngày Người được bảo hiểm xuất cảnh.
- 19.3 Đối với các thay đổi nêu trên, BIDV MetLife có quyền thẩm định lại rủi ro có thể được bảo hiểm để:
- (i) Xác định lại mức Phí bảo hiểm rủi ro, hoặc;
 - (ii) Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, hoặc;
 - (iii) Giảm Quyền lợi bảo hiểm; hoặc
 - (iv) Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Nếu BIDV MetLife chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, BIDV MetLife sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại tại thời điểm đó.

ĐIỀU 20. THAY ĐỔI BÊN MUA BẢO HIỂM

- 20.1 Trường hợp Bên mua bảo hiểm tử vong (Bên mua bảo hiểm không phải là Người được bảo hiểm):
- 20.1.1 Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm đáp ứng điều kiện nêu tại Khoản 1.2 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm) có quyền thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm và trở thành Bên mua bảo hiểm mới của Hợp đồng bảo hiểm nếu có yêu cầu bằng văn bản trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm tử vong.
- Nếu Bên mua bảo hiểm có nhiều người thừa kế hợp pháp, những người thừa kế hợp pháp này cần cử một đại diện để trở thành Bên mua bảo hiểm mới có xác nhận của các bên bằng văn bản.
- Việc trở thành Bên mua bảo hiểm mới chỉ có hiệu lực khi được BIDV MetLife chấp thuận bằng văn bản.
- 20.1.2 Trường hợp người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm không

đủ điều kiện hoặc không yêu cầu trở thành Bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Khoản 1.2, Người được bảo hiểm hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng.

20.2 Trường hợp Bên mua bảo hiểm là tổ chức chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật trong thời hạn Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực mà không có tổ chức khác hoặc cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1.2 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm) và các quy định khác của pháp luật để kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm thì Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực và BIDV MetLife sẽ trả Giá trị hoàn lại của Hợp đồng (nếu có) tại thời điểm Bên mua bảo hiểm chấm dứt hoạt động cho Người được bảo hiểm.

20.3 **Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chuyển nhượng Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho BIDV MetLife với điều kiện Bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 1.2 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm) của Quy tắc và điều khoản này và tuân thủ các quy định của pháp luật về chuyển nhượng Hợp đồng. Việc chuyển nhượng chỉ có hiệu lực khi BIDV MetLife thông báo chấp thuận bằng văn bản cho Bên nhận chuyển nhượng và Người được bảo hiểm. BIDV MetLife sẽ không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của việc chuyển nhượng giữa Bên mua bảo hiểm và Bên nhận chuyển nhượng.

Sau khi việc chuyển nhượng có hiệu lực, Bên nhận chuyển nhượng sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng, có toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến Hợp đồng. Việc chỉ định Người thụ hưởng do Bên mua bảo hiểm thực hiện trước thời điểm chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động bị hủy bỏ.

20.4 Nếu Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm thì Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm. Trong trường hợp này, BIDV MetLife sẽ trả Giá trị hoàn lại tính tại ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực cho Bên mua bảo hiểm.

ĐIỀU 21. THAY ĐỔI NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống, nếu được Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, Bên mua bảo hiểm có thể gửi yêu cầu thay đổi (những) Người thụ hưởng hoặc tỉ lệ thụ hưởng của mỗi Người thụ hưởng của Hợp đồng bảo hiểm cho BIDV

MetLife. Việc thay đổi chỉ có hiệu lực khi BIDV MetLife chấp nhận bằng văn bản và BIDV MetLife không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp cũng như tranh chấp (nếu có) của Bên mua bảo hiểm hoặc những người liên quan đến việc chỉ định thay đổi Người thụ hưởng.

ĐIỀU 22. THÔNG BÁO SAI VỀ TUỔI VÀ/HOẶC GIỚI TÍNH CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

22.1 Thông báo sai tuổi của Người được bảo hiểm.

22.1.1 Nếu theo tuổi đúng, Người được bảo hiểm vẫn được chấp nhận bảo hiểm, Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm rủi ro sẽ được điều chỉnh dựa trên tuổi đúng kể từ Ngày kỷ niệm hàng tháng tiếp theo và:

- (i) Nếu Phí bảo hiểm rủi ro phải khấu trừ lớn hơn Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ, Bên mua bảo hiểm phải đóng thêm khoản chênh lệch Phí bảo hiểm rủi ro đã đóng thiếu. BIDV MetLife có thể yêu cầu Bên mua bảo hiểm điều chỉnh giảm Số tiền bảo hiểm tương ứng để đảm bảo duy trì các quyền lợi của Hợp đồng theo tuổi đúng;
- (ii) Nếu Phí bảo hiểm rủi ro phải khấu trừ thấp hơn Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ, BIDV MetLife sẽ hoàn trả phần chênh lệch Phí bảo hiểm rủi ro (không có lãi).

22.1.2 Trường hợp phát hiện nhầm lẫn khi BIDV MetLife giải quyết quyền lợi bảo hiểm, phần phí thiếu hoặc phí thừa nêu trên sẽ được thu hồi hoặc hoàn trả cùng với quyền lợi bảo hiểm.

22.1.3 Nếu theo tuổi đúng Người được bảo hiểm không được chấp nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị hủy bỏ và BIDV MetLife sẽ hoàn trả số Phí bảo hiểm đã đóng cho Bên mua bảo hiểm sau khi đã trừ đi Chi phí khám sức khỏe (nếu có) và các quyền lợi bảo hiểm đã chi trả (nếu có).

22.2 Trường hợp thông báo sai giới tính của Người được bảo hiểm: áp dụng tương tự quy định tại Khoản 22.1.

CHƯƠNG 9: CHẤM DỨT VÀ KHÔI PHỤC HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 23. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

23.1 Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo yêu cầu

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền gửi văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và nhận Giá trị hoàn lại (nếu có) xác định tại thời điểm Hợp đồng bị chấm dứt, sau khi trừ đi các khoản nợ (nếu có). Ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực là ngày BIDV MetLife nhận được văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng của Bên mua bảo hiểm.

23.2 Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng khác:

Ngoài trường hợp nêu tại Khoản 23.1, Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực theo một trong các trường hợp sau, tùy thuộc trường hợp nào xảy ra trước:

- Hợp đồng đáo hạn theo Khoản 5.1;
- Khi xảy ra sự kiện làm phát sinh trách nhiệm giải quyết quyền lợi bảo hiểm của BIDV MetLife theo Khoản 5.2 và Khoản 5.5;
- Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 3; Điều 12; Điều 19; Điều 20; Điều 22; Điều 30 Quy tắc và điều khoản này.

ĐIỀU 24. KHÔI PHỤC HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

24.1 Trường hợp Hợp đồng mất hiệu lực theo quy định tại Khoản 11.3, và Giá trị hoàn lại (nếu có) chưa được thanh toán, Bên mua bảo hiểm có quyền gửi văn bản yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng mất hiệu lực gần nhất và trước ngày Hợp đồng đáo hạn. Hợp đồng sẽ được khôi phục hiệu lực nếu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Hợp đồng đáp ứng đầy đủ các điều kiện để BIDV MetLife chấp nhận khôi phục. Bên mua bảo hiểm phải đóng tất cả Phí bảo hiểm đến hạn chưa đóng (nếu có) của Thời hạn đóng phí tối thiểu và chịu chi phí khám sức khỏe (nếu có) để thực hiện khôi phục hiệu lực Hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng không bị khấu trừ trong thời gian Hợp đồng mất hiệu lực. Khoản nhận tạm ứng từ Giá trị hoàn lại, khoản giảm thu nhập đầu tư (nếu có) sẽ làm giảm Giá trị tài khoản tương ứng tại ngày Hợp đồng được khôi phục hiệu lực.

24.2 Trường hợp được chấp thuận, Hợp đồng sẽ được khôi phục theo thông báo bằng văn bản của BIDV MetLife. BIDV MetLife không phải chịu trách nhiệm bảo hiểm đối với các rủi ro xảy ra với Người được bảo hiểm và Bên mua bảo hiểm trước ngày Hợp đồng được chấp nhận khôi phục hiệu lực.

CHƯƠNG 10: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

ĐIỀU 25. THỜI HẠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Người được bảo hiểm gặp các sự kiện bảo hiểm quy định tại Điều 5 Quy tắc và điều khoản này, Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải lập hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm và gửi tới BIDV MetLife. Quá thời hạn nêu trên, mọi yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đều không có giá trị. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

ĐIỀU 26. HỒ SƠ YÊU CẦU GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

26.1 Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm bao gồm:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo mẫu của BIDV MetLife đã được điền đầy đủ và chính xác; và
- Bản gốc hoặc bản sao hợp pháp bằng chứng sự kiện tử vong; hoặc
- Bản gốc hoặc bản sao hợp pháp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tình trạng Thương tật toàn bộ vĩnh viễn của Người được bảo hiểm (đối với trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn); và
- Bản sao hợp pháp hoặc bản gốc của tất cả các biên bản, chứng từ y tế gắn liền với Sự kiện bảo hiểm (bao gồm tất cả các kết quả xét nghiệm, giấy ra viện, tóm tắt bệnh án, các kết quả chẩn đoán, kết quả điều trị, đơn thuốc, phim chụp, các giấy tờ, hình ảnh hoặc các phương thức khác thể hiện kết quả gắn liền với Sự kiện bảo hiểm); và
- Biên bản tai nạn, kết luận cuối cùng về nguyên nhân tai nạn được lập bởi cơ quan có thẩm quyền đối với các sự kiện bảo hiểm có nguyên nhân do tai nạn; và
- Bản sao hợp pháp hoặc bản gốc kết luận về việc Người được bảo hiểm bị mắc bệnh Ung thư của Bệnh viện và các kết luận này phải được một Bác sĩ chuyên khoa thực hiện đối với trường hợp yêu cầu chi trả Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sớm và Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư giai đoạn sau; và
- Bản sao hợp pháp giấy tờ tùy thân của Người được Bảo hiểm/Người thụ hưởng; và
- Bảng chứng về quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm của Người thụ hưởng được nêu trong Quy tắc và điều khoản bảo hiểm này như giấy

ủy quyền, di chúc, văn bản thỏa thuận phân chia di sản hoặc văn bản khai nhận di sản hoặc thỏa thuận cử người nhận Quyền lợi bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật.

Người nộp hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ nêu trên và tự chịu các chi phí phát sinh có liên quan đến việc thu thập các giấy tờ nói trên.

26.2 Các hồ sơ bổ sung khác theo yêu cầu của BIDV MetLife

BIDV MetLife có thể yêu cầu:

- Người được bảo hiểm thực hiện các giám định y khoa với chuyên gia y tế do BIDV MetLife chỉ định với trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn/mắc bệnh Ung thư.
- BIDV MetLife sẽ chi trả chi phí phát sinh từ các yêu cầu này, và sẽ không giải quyết quyền lợi bảo hiểm nếu các yêu cầu này không được thực hiện, trừ các lý do chính đáng được BIDV MetLife chấp nhận.

ĐIỀU 27. NHẬN QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Các quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 5 Quy tắc và điều khoản này sẽ được chi trả cho người nhận quyền lợi bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên như sau:

27.1 Quyền lợi bảo hiểm quy định tại Khoản 5.1:

- (i) Bên mua bảo hiểm là cá nhân;
- (ii) Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm;
- (iii) Bên mua bảo hiểm là tổ chức.

27.2 Quyền lợi bảo hiểm quy định tại Khoản 5.2 trong trường hợp Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Quyền lợi bảo hiểm quy định tại Khoản 5.2, Khoản 5.3, Khoản 5.4, Khoản 5.5 và Khoản 5.6:

- (i) Bên mua bảo hiểm là cá nhân;
- (ii) Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm;
- (iii) Người thụ hưởng được chỉ định hợp lệ;
- (iv) Bên mua bảo hiểm là tổ chức.

27.3 Quyền lợi bảo hiểm quy định tại Khoản 5.2 trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong:

- (i) Người thụ hưởng được chỉ định hợp lệ;
- (ii) Bên mua bảo hiểm là cá nhân;

- (iii) Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm;
- (iv) Người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm;
- (v) Bên mua bảo hiểm là tổ chức.

27.4 Người nhận quyền lợi bảo hiểm và các khoản chi trả theo Hợp đồng có trách nhiệm đóng các khoản thuế (nếu có) liên quan đến việc đóng phí bảo hiểm và nhận các khoản chi trả theo quy định của pháp luật. Tùy theo quy định của pháp luật tại thời điểm chi trả, BIDV MetLife có quyền thực hiện khấu trừ và thay mặt người nhận quyền lợi bảo hiểm đóng thuế theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 28. NGHĨA VỤ CHỨNG MINH

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu chi trả Quyền lợi bảo hiểm, nếu BIDV MetLife từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm thì BIDV MetLife phải nêu rõ lý do từ chối bằng văn bản cho người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

ĐIỀU 29. THỜI GIAN GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- 29.1 BIDV MetLife có trách nhiệm giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm hợp lệ theo quy định tại Điều 26 Quy tắc và điều khoản này. Quá thời hạn này, nếu chưa giải quyết quyền lợi bảo hiểm, BIDV MetLife phải trả thêm khoản lãi trên số tiền phải thanh toán theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tương đương với thời gian quá hạn do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) quy định tại thời điểm thanh toán.
- 29.2 Trường hợp có một vụ án được khởi tố liên quan đến rủi ro của Người được bảo hiểm, BIDV MetLife chỉ xem xét giải quyết quyền lợi bảo hiểm sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG 11: BẢO MẬT THÔNG TIN & GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 30. NGHĨA VỤ KÊ KHAI, CUNG CẤP VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

- 30.1 **Nghĩa vụ cung cấp, giải thích đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin cho Bên mua bảo hiểm của BIDV MetLife:**
- 30.1.1 BIDV MetLife có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, Quy tắc và điều khoản bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm.
- 30.1.2 Trường hợp BIDV MetLife cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm; BIDV MetLife phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh Bên mua bảo hiểm phải gánh chịu và là hậu quả trực tiếp của việc cung cấp thông tin sai sự thật.
- 30.2 **Nghĩa vụ kê khai thông tin trung thực, đầy đủ và chính xác của Bên mua bảo hiểm / Người được bảo hiểm:**
- 30.2.1 Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có nghĩa vụ kê khai đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để BIDV MetLife đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm. Việc thẩm định sức khỏe (nếu có), không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại Điều này.
- 30.2.2 Nếu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cố ý kê khai không đầy đủ và trung thực các thông tin cần thiết theo yêu cầu của BIDV MetLife, theo đó, nếu với thông tin chính xác, BIDV MetLife sẽ không chấp nhận bảo hiểm, BIDV MetLife không có trách nhiệm chi trả nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm liên quan đến thông tin kê khai không trung thực và có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi phát hiện ra hành vi vi phạm của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm. Việc giải quyết Hợp đồng bảo hiểm bị đơn phương chấm dứt trong trường hợp nêu tại Điều này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm.
- 30.2.3 Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ kê khai thông tin tại Điều này nhưng việc vi phạm này không làm ảnh hưởng tới quyết định chấp thuận bảo hiểm hoặc quyết định khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của

BIDV MetLife tại từng thời điểm, BIDV MetLife vẫn sẽ chi trả Quyền lợi bảo hiểm nếu có sự kiện bảo hiểm xảy ra theo Quy tắc và điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm này.

30.2.4 Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ kê khai thông tin tại Điều này nhưng BIDV MetLife vẫn chấp thuận để Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục duy trì hiệu lực, BIDV MetLife và Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận về việc thu thêm khoản Phí bảo hiểm hoặc điều chỉnh Số tiền bảo hiểm giảm tương ứng với mức rủi ro (nếu có).

30.3 **Trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng của BIDV MetLife:**

BIDV MetLife không được chuyển giao thông tin cá nhân do Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cung cấp tại Hợp đồng bảo hiểm cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau đây:

- a. Thu thập, sử dụng, chuyển giao theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cho mục đích thẩm định, tính toán Phí bảo hiểm, phát hành Hợp đồng bảo hiểm, thu Phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, phòng chống trục lợi bảo hiểm, nghiên cứu, đánh giá kiểm tra rà soát tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn.
- b. Các trường hợp khác được Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, với điều kiện:
 - Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm phải được thông báo về mục đích chuyển giao thông tin và được quyền lựa chọn giữa đồng ý hoặc không đồng ý với việc chuyển giao đó; và
 - Việc Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm từ chối cho phép chuyển giao thông tin cho bên thứ ba ngoài điểm a khoản này không được sử dụng làm lý do để từ chối giao kết Hợp đồng.

ĐIỀU 31. MIỄN TRUY XÉT

Khi Người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được BIDV MetLife miễn truy xét sau 24 tháng kể từ Ngày hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng gần nhất (lần sau cùng).

Quy định này sẽ không được áp dụng trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đã cố ý kê khai không trung thực hoặc không cung

cấp những thông tin mà nếu biết được những thông tin đó, BIDV MetLife sẽ từ chối chấp thuận bảo hiểm hoặc chỉ chấp thuận bảo hiểm có điều kiện. Việc xử lý vi phạm sẽ theo quy định tại Khoản 30.2 của Quy tắc và điều khoản này.

ĐIỀU 32. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 32.1 Hợp đồng bảo hiểm này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 32.2 Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền ở Việt Nam.
- 32.3 Thời hạn khởi kiện là 03 (ba) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

PHỤ LỤC 1: ĐỊNH NGHĨA BỆNH UNG THƯ GIAI ĐOẠN SỚM

(Đính kèm Quy tắc và điều khoản Sản phẩm Liên kết chung
bảo vệ bệnh Tiểu đường và Ung thư)

Bệnh ung thư giai đoạn sớm bao gồm Ung thư biểu mô tại chỗ và Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan.

1. **Ung thư biểu mô tại chỗ:** Vú, tử cung, buồng trứng, vòi trứng, âm hộ, âm đạo, cổ tử cung, đại tràng, trực tràng, dương vật, tinh hoàn, phổi, gan, dạ dày, mũi hầu hoặc bàng quang.

Ung thư biểu mô tại chỗ được định nghĩa là sự phát triển tự phát tại chỗ của các tế bào ung thư biểu mô chưa xâm lấn vào mô xung quanh. “Xâm lấn” có nghĩa là sự xâm nhập và/hoặc phá hủy mô bình thường vượt qua màng đáy. Chẩn đoán ung thư tại chỗ phải dựa vào kết quả mô bệnh học, dựa trên cơ sở quan sát vi thể mô cố định, được hỗ trợ bởi kết quả sinh thiết. Chẩn đoán lâm sàng không đáp ứng tiêu chuẩn này.

Chẩn đoán lâm sàng về phân loại ung thư nội mạc cổ tử cung (CIN) có kết quả CIN I, CIN II và CIN III (loạn sản nặng không có ung thư biểu mô tại chỗ) không đáp ứng định nghĩa trên và bị loại trừ. Ung thư biểu mô tại chỗ của hệ thống mật cũng bị loại trừ.

2. **Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan:**

Ung thư giai đoạn sớm bao gồm một trong các ung thư sau:

- Ung thư tiền liệt tuyến với kết quả mô bệnh học theo xếp loại TNM là T1N0M0.
- Ung thư tuyến giáp với kết quả mô bệnh học, theo xếp loại TNM là T1N0M0.
- Ung thư máu bạch cầu mạn dòng lympho, theo xếp loại RAI, giai đoạn I hoặc II.
- Ung thư bàng quang với kết quả mô bệnh học, theo xếp loại TNM là TaN0M0.

Chẩn đoán ung thư giai đoạn sớm luôn dựa trên cơ sở quan sát vi thể mô cố định từ kết quả sinh thiết. Chẩn đoán lâm sàng không đáp ứng tiêu chuẩn này.

PHỤ LỤC 2: ĐỊNH NGHĨA BỆNH UNG THƯ GIAI ĐOẠN SAU

*(Đính kèm Quy tắc và điều khoản Sản phẩm Liên kết chung
bảo vệ bệnh Tiểu đường và Ung thư)*

Một khối u ác tính đặc trưng bởi sự tăng trưởng không kiểm soát được và lan rộng các tế bào ác tính, xâm lấn và phá hủy các mô bình thường. Chẩn đoán này phải được xác định bởi bằng chứng về mặt mô học và được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa ung bướu hoặc bác sĩ giải phẫu bệnh.

Các trường hợp loại trừ:

- a. Các khối u có sự thay đổi ác tính của ung thư biểu mô tại chỗ và các khối u được xác định về mặt mô học là tiền ác tính, không xâm lấn, giáp biên ác (borderline malignancy), tiềm năng ác tính (malignant potential), dị sản cổ tử cung CIN-1, CIN-2 và CIN-3; tất cả các ung thư da, trừ khi có bằng chứng của sự di căn hoặc trừ khi u hắc tố trên 1,5 mm theo độ dày Breslow.
- b. Ung thư tiền liệt tuyến giai đoạn T1N0M0, ung thư buồng trứng giai đoạn T1aN0M0 hoặc T1bN0M0 đã được xác định về mặt mô học dựa trên hệ thống phân loại TNM hoặc theo bảng phân loại khác với mức độ tương tự hoặc thấp hơn.
- c. Ung thư tuyến giáp giai đoạn T1N0M0 đã được xác định về mặt mô học dựa trên hệ thống phân loại TNM.
- d. Ung thư bàng quang dạng nhú không xâm lấn giai đoạn TaN0M0 đã được xác định về mặt mô học dựa trên hệ thống phân loại TNM hoặc theo bảng phân loại khác với mức độ tương tự hoặc thấp hơn.
- e. Ung thư bạch cầu lympho mãn tính thuộc nhóm dưới 03 (ba) của bảng phân loại RAI (RAI stage 3) hoặc dưới giai đoạn C phân loại Binet (Binet Stage C).
- f. Tất cả các ung thư có sự hiện diện của nhiễm HIV.

PHỤ LỤC 3: ĐỊNH NGHĨA BỆNH TIỂU ĐƯỜNG

*(Đính kèm Quy tắc và điều khoản Sản phẩm Liên kết chung
bảo vệ bệnh Tiểu đường và Ung thư)*

Chẩn đoán rõ ràng về bệnh Tiểu đường (Đái tháo đường) tuýp 2 phải được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa nội tiết. Chẩn đoán phải đáp ứng được tất cả các điều kiện sau:

- Glucose huyết tương (ở thời điểm sau 2 giờ làm nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 75g) ít nhất 200 mg/dL (hay 11,1 mmol/L).
- HbA1C lớn hơn 6,5%.
- Người được bảo hiểm phải có tài liệu chứng minh hoặc hồ sơ từ bác sĩ để chứng minh việc điều trị bệnh Tiểu đường tuýp 2 bằng thuốc trong ít nhất 06 (sáu) tháng.

Các trường hợp loại trừ:

- Tiểu đường thai kỳ, tiểu đường do lạm dụng rượu và ma túy.
- Tiểu đường tuýp 1.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife

Tầng 3A, Tòa VCCI Tower, Số 9 Đào Duy Anh,
Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.

TT CSKH: (84 24) 3555 0606 | ĐT: (84 24) 3555 0808

Website: bidvmetlife.com.vn